

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
=====

# **KHUNG CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THIỂU SỐ (EMPF)**

**DỰ ÁN  
SỬA CHỮA VÀ NÂNG CAO AN TOÀN ĐẬP  
(Dự án DRASIP/WB8)**

**Địa điểm thực hiện Dự án:  
Các tỉnh thực hiện chương trình đảm bảo an toàn hồ chứa**

**BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG  
CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI  
TRƯỞNG BAN**

**VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI  
VIỆT NAM  
GIÁM ĐỐC**

**Hà Nội, 2015**

## MỤC LỤC

Danh sách các từ viết tắt.....	1
Giải thích thuật ngữ .....	2
I.    GIỚI THIỆU.....	4
1.1. Mô tả dự án.....	4
1.2. Mục tiêu của dự án .....	5
1.3. Các hợp phần của dự án.....	5
1.4. Tác động của dự án.....	7
1.5. Mục tiêu của EMPF.....	11
II. KHUNG PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH .....	12
2.1. Khung pháp lý và chính sách quốc gia về người dân tộc thiểu số.....	13
2.2. Chính sách hoạt động của NHTG về người DTTS (OP 4.10).....	15
III. CHUẨN BỊ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DTTS .....	17
3.1. Đánh giá tác động xã hội .....	17
3.2. Các bước gợi ý để xây dựng một EMDP.....	20
3.3. Quy trình xem xét và phê duyệt EMDP .....	22
3.4. Chuẩn bị Khung quy trình .....	23
IV. THỰC HIỆN EMPF VÀ EMDP .....	24
4.1. Tổ chức thực hiện .....	24
4.2. Công bố EMPF và EMDP .....	25
4.3. Cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại.....	25
4.4. Giám sát và Đánh giá.....	27
4.5. Kinh phí và Nguồn ngân sách.....	28
Phụ lục 1: Tổng hợp kết quả tham vấn với nhóm DTTS.....	30
Phụ lục 2: Mục lục và các yếu tố của một EMDP.....	36

**Danh sách các từ viết tắt**

MARD	Ministry of Agriculture and Rural Development	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
MoNRE	Ministry of Natural Resources and Environment	Bộ Tài nguyên Môi trường
MoIT	Ministry of Industry and Trade	Bộ Công thương
MoF	Ministry of Finance	Bộ Tài chính
MPI	Ministry of Planning and Investment	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
MoC	Ministry of Construction	Bộ Xây dựng
SVB	State Bank of Vietnam	Ngân hàng Nhà nước Việt nam
PsC	People's Committee	Ủy ban nhân dân
DRaSIP/WB8	Vietnam Dam Rehabilitation and Safety Improvement Project	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập
DARD	Department of Agriculture and Rural Development	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
PSC	Project Steering Committee	Ban chỉ đạo dự án
PPMU	Province Project Management Unit	Ban Quản lý dự án tỉnh
CPO	Central Project Office	Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi
EMPF	Ethnic Minority Policy Framework	Khung chính sách dân tộc thiểu số
EMDP	Ethnic Minority Development Plan	Kế hoạch phát triển Dân tộc thiểu số
EM/DTTS	Ethnic Minority	Dân tộc thiểu số
ICMB	Investment and Construction Management Branch	Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi
PPMU	Provincial Project Management Unit	Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh
CPMU	Central Project Management Unit	Ban Quản lý dự án Trung ương
ODA	Official Development Assistant	Hỗ trợ phát triển chính thức
VAWR	Vietnam Academy for Water Resources	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

## **Giải thích thuật ngữ**

*Tác động dự án* là các tác động tích cực và tiêu cực của tất cả các hoạt động của các hợp phần dự án đến người DTTS. Các tác động tiêu cực thường là hậu quả tức thì của việc thu hồi đất hoặc hạn chế việc sử dụng các khu vực được chỉ định hoặc khu vực được bảo vệ hợp pháp. Những người bị ảnh hưởng trực tiếp bởi việc thu hồi đất có thể mất nhà, đất trồng trọt/ chăn nuôi, tài sản, hoạt động kinh doanh, hoặc các phương tiện sinh kế khác. Nói một cách khác, họ mất quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, hoặc các quyền sử dụng do thu hồi đất hay hạn chế tiếp cận.

*Người bị ảnh hưởng* là những cá nhân hoặc tổ chức bị ảnh hưởng trực tiếp về xã hội và kinh tế bởi việc thu hồi đất và các tài sản khác một cách bắt buộc do dự án mà Ngân hàng Thế giới tài trợ gây ra, dẫn đến (i) di dời hoặc mất chỗ ở; (ii) mất tài sản hoặc sự tiếp cận tài sản; hoặc (iii) mất các nguồn thu nhập hay những phương tiện sinh kế, cho dù người bị ảnh hưởng có phải di chuyển tới nơi khác hay không. Việc thu hồi đất bắt buộc bao gồm việc thực hiện quyền chiếm hữu khi người sở hữu đã cho phép và hưởng lợi từ việc chiếm dụng diện tích đó của những người khác. Ngoài ra, người bị ảnh hưởng cũng là người bị hạn chế tiếp cận các khu vực đã qui định và các khu vực được bảo vệ hợp pháp một cách bắt buộc gây ra tác động bất lợi tới sinh kế.

*Người bản địa* (tương đương với khái niệm *người dân tộc thiểu số* tại Việt Nam) và cập tới một nhóm người riêng biệt, dễ bị tổn thương, có đặc điểm xã hội và văn hóa riêng, có những đặc tính sau đây, ở nhiều cấp độ khác nhau: (i) tự xác định như là thành viên của một nhóm văn hóa bản địa riêng biệt và đặc tính này được công nhận bởi các nhóm văn hóa khác; (ii) gắn kết tập trung ở những điểm cư trú riêng biệt về mặt địa lý hoặc trên những vùng đất do ông bà, tổ tiên để lại trong khu vực dự án và sống gắn bó với các nguồn tài nguyên thiên nhiên tại các khu vực cư trú và lãnh thổ đó; (iii) các thể chế về văn hóa, xã hội, kinh tế, và chính trị theo tập tục riêng biệt so với những thể chế tương tự của xã hội và nền văn hóa thống lĩnh, và (iv) một ngôn ngữ bản địa riêng, thường khác với ngôn ngữ chính thống của quốc gia hoặc vùng.

*Các nhóm dễ bị tổn thương* Được xác định là những người do đặc điểm giới tính, dân tộc, tuổi tác, khuyết tật về thể chất hoặc tinh thần, bất lợi về kinh tế hoặc địa vị xã hội, bị ảnh hưởng nặng nề hơn do tác động tái định cư so với cộng đồng dân cư khác và những người bị hạn chế do khả năng yêu cầu được hỗ trợ để phát triển lợi ích từ dự án của họ, bao gồm: (i) phụ nữ làm chủ hộ có khẩu ăn theo (không có chồng, góa chồng,

chồng không còn khả năng lao động), (ii) người khuyết tật (không còn khả năng lao động), người già không nơi nương tựa, (iii) hộ nghèo (iv) người không có đất đai; (v) người dân tộc thiểu số; và hộ gia đình chính sách.

*Phù hợp về mặt văn hóa* tức là đã có xét tới mọi mặt của văn hóa và nhạy cảm với những động lực văn hóa đó.

*Tham vấn tự do, tham vấn trước, và được thông tin* tức liên quan đến một quá trình ra quyết định phù hợp với văn hóa và tiếp theo là sự tham vấn có ý nghĩa, tạo sự tin cậy, người tham gia được thông báo về việc chuẩn bị và thực hiện dự án để không tạo ra bất bình của các cá nhân hoặc các nhóm tham gia.

*Gắn kết tập trung* là đối với nhiều thế hệ đã có mặt ở đó và gắn bó về kinh tế với mảnh đất và vùng lãnh thổ mà họ sở hữu theo truyền thống, hoặc sử dụng hoặc chiếm dụng theo phong tục, tập quán bởi nhóm người liên quan, bao gồm cả các khu vực có ý nghĩa đặc biệt đối với nhóm đó, ví dụ như các khu vực tâm linh. “Gắn kết theo tập thể” còn hàm chỉ tới sự gắn kết của các nhóm người hay di chuyển/ di cư tới vùng đất mà họ sử dụng theo mùa hay theo chu kỳ.

*Các quyền về đất và nguồn tài nguyên theo phong tục, tập quán* nói tới các loại hình sử dụng đất và tài nguyên lâu dài của cộng đồng theo luật tục, giá trị, tập quán, và truyền thống của người dân tộc thiểu số, bao gồm cả việc sử dụng theo mùa hay theo chu kỳ, hơn là các quyền pháp lý chính thức đối với đất và tài nguyên do Nhà nước cấp.

## **I. GIỚI THIỆU**

### **1.1. Mô tả dự án**

Việt Nam có một trong những mạng lưới đập và cơ sở hạ tầng thủy lợi lớn nhất thế giới bên cạnh Trung Quốc và Mỹ. Mạng lưới này gồm hơn 7.000 đập các loại với kích cỡ khác nhau. Trong đó, hơn 750 đập được phân loại là đập lớn (đập có chiều cao hơn 15m hoặc từ 5m đến 15m với dung tích hồ trên 3 triệu m<sup>3</sup>) và số lượng đập nhỏ (chiều cao đập <15m và dung tích hồ nhỏ hơn 3 triệu m<sup>3</sup>) ước tính hơn 6.000 đập chủ yếu là đập đất. Trong tổng số 4 triệu hecta đất nông nghiệp thì hơn 3 triệu hecta được tưới từ nguồn nước của 6.648 đập.

Việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng này đã đặt ra một số thách thức nhất định. Nhiều hồ chứa quy mô vừa và nhỏ được xây dựng từ những năm 1960-1980 với các hạn chế về khảo sát kỹ thuật, thiết kế và thi công. Các yếu tố này cùng với hạn chế về vận hành và duy tu bảo dưỡng làm cho nhiều đập đã bị xuống cấp và mức độ an toàn của đập thấp hơn so với tiêu chuẩn an toàn quốc tế. Điều này mang lại rủi ro đáng kể cho sự an toàn của con người và an ninh kinh tế. Sự xuống cấp của các đập này, cộng với sự gia tăng rủi ro và mất an toàn bởi sự biến động thủy văn do biến đổi khí hậu cũng như sự phát triển nhanh chóng ở thượng nguồn đã khiến nhiều hồ chứa trong tình trạng rủi ro. Các rủi ro có thể xuất hiện từ sự mất cân đối của mặt cắt, ví dụ như quá mỏng để có thể ổn định, tình trạng lún của kết cấu chính, thấm qua đập chính và/hoặc đập phụ và xung quanh công trình lấy nước, biến dạng của mái thượng/hạ lưu, sự cố đập tràn, và việc chưa phát huy một cách hiệu quả các thiết bị giám sát an toàn.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc đảm bảo nền móng cho duy trì và đảm bảo tăng trưởng kinh tế, Chính phủ đã đưa ra một chương trình ngành về an toàn đập vào năm 2003. Dự án đề xuất Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập dự kiến do Ngân hàng Thế Giới tài trợ sẽ hỗ trợ Chương trình an toàn đập cho Chính phủ Việt Nam. Dự án này sẽ được thực hiện bằng cách hỗ trợ cả về an toàn kết cấu của chính bản thân đập và hồ chứa, cùng với yêu cầu an toàn cho vận hành để bảo vệ người dân có nguy cơ rủi ro và cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội ở hạ lưu. Điều này phù hợp với định nghĩa của Chính phủ về an toàn đập nêu trong Nghị định 72. Dự án cũng sẽ hỗ trợ Chính phủ đảm bảo được quy hoạch phát triển tổng hợp lưu vực toàn diện hơn để tăng cường sự điều phối về thể chế, phát triển trong tương lai và an toàn vận hành.

## 1.2. Mục tiêu của dự án

### Mục tiêu tổng quát của dự án

Hỗ trợ thực hiện Chương trình Bảo đảm an toàn các hồ chứa nước thông qua sửa chữa, nâng cấp các đập ưu tiên, tăng cường năng lực quản lý và vận hành an toàn đập nhằm bảo vệ dân cư và cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội vùng hạ du.

### Nhiệm vụ của dự án

- i) Cải thiện an toàn đập và khôi phục các công năng thiết kế của đập thông qua sửa chữa, nâng cấp, trang bị các thiết bị quan trắc, lập kế hoạch vận hành - bảo trì và kế hoạch ứng phó khẩn cấp.
- ii) Hoàn thiện khung pháp lý về quản lý an toàn đập ở cấp Quốc gia thông qua tăng cường thể chế về an toàn đập bao gồm cả việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn, nâng cao năng lực và cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan.
- iii) Nâng cao năng lực quản lý, giám sát ở cấp tỉnh, lưu vực và cơ chế phối hợp vận hành hồ chứa thông qua cải thiện năng lực dự báo, xây dựng kế hoạch quản lý lũ lụt tổng hợp, đào tạo nâng cao năng lực và truyền thông.
- iv) Hỗ trợ quản lý, thực hiện dự án và nâng cao năng lực quản lý dự án.

## 1.3. Các hợp phần của dự án

### *Hợp phần 1: Khôi phục an toàn đập*

- Đánh giá khả năng xả lũ của các hồ chứa lớn đã được sửa chữa, nâng cấp theo tiêu chuẩn cũ, hiện nay không bị hư hỏng (sau khi đánh giá nếu thiếu năng lực xả lũ sẽ nghiên cứu các phương án tăng năng lực xả lũ cho công trình);
- Sửa chữa công trình đầu mối các hồ chứa bị hư hỏng, không bảo đảm an toàn. Các hồ chứa lựa chọn trong hợp phần này thông qua việc đánh giá hiện trạng theo bộ chỉ số rủi ro và sẵn sàng trong công tác chuẩn bị.
- Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành hồ chứa.

Danh sách các đập thuộc hợp phần này sẽ được cập nhật, rà soát, đánh giá rủi ro hàng năm. Các đập có nguy cơ rủi ro thấp nhất sẽ được thay thế bởi các đập gặp sự cố khẩn cấp thuộc Chương trình bảo đảm an toàn các hồ chứa nước. Dự kiến khoảng 12 hồ đập

thuộc 11 tỉnh trong số các tỉnh thực hiện chương trình đảm bảo an toàn hồ chứa được rà soát có nguy cơ mất an toàn cao và đạt mục tiêu về tính sẵn sàng để đầu tư ngay năm thứ nhất của dự án.

**Bảng 1. Danh mục 12 đập được đề xuất thực hiện trong năm đầu tiên**

TT	Tên hồ	Huyện	Tỉnh	Năm xây dựng	Diện tích phục vụ (ha)	Dung tích ( $10^6\text{m}^3$ )	Chiều cao lớn nhất (m)
1	Ban	Cẩm Khê	Phú Thọ	1977	150	1,68	11,0
2	Đại Thắng	Lạc Thủy	Hòa Bình	1960	130	0,48	16,0
3	Đập Làng	Nghĩa Hành	Quảng Ngãi	1978	100	0,46	13,3
4	Khe Gang	Quỳnh Lưu	Nghệ An	1991	175	2,15	12,5
5	Khe Sân	Quỳnh Lưu	Nghệ An	1980	120	1,42	14,5
6	Thạch Bàn	Phù Cát	Bình Định	1978	130	0,70	12,8
7	Phú Vinh	Đồng Hới	Quảng Bình	1992	929	22,36	28,4
8	Đạ Tẻh	Đạ Huoai	Lâm Đồng	1993	2.300	24,00	27,3
9	Khe Chè	Đông Triều	Quảng Ninh	1986	1.000	12,00	12,5
10	Sông Quao	Hàm Thuận Bắc	Bình Thuận	1998	8.120	73,00	40,0
11	Đông Bể	Như Thanh	Thanh Hóa	1991	255	2,29	11,4
12	Ngòi Là 2	Yên Sơn	Tuyên Quang	1973	360	3,31	15,3

### **Hợp phần 2: Quản lý an toàn đập**

Mục tiêu của hợp phần là cải thiện công tác quản lý, giám sát và vận hành an toàn đập trên lưu vực:

- Trang bị thiết bị phục vụ giám sát vận hành liên hồ chứa và cảnh báo thiên tai trên lưu vực;
- Cải thiện thể chế và chính sách về an toàn đập; xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức phục vụ xây dựng, sửa chữa, vận hành hồ chứa; thu thập và quản lý cơ sở dữ liệu. xây dựng mô hình quản lý an toàn đập có sự tham gia của cộng đồng.
- Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý hồ chứa từ Trung ương đến địa phương.
- Hỗ trợ kỹ thuật từ các chuyên gia trong nước và quốc tế nhằm kiểm soát chất lượng thiết kế, thi công, nâng cao hiệu quả đầu tư cho các tiểu dự án.



### **Hợp phần 3: Hỗ trợ quản lý dự án**

Hợp phần sẽ cung cấp tài chính cho các hoạt động quản lý dự án, hỗ trợ kỹ thuật, kiểm toán, tăng cường năng lực quản lý dự án:

- Hỗ trợ thực hiện dự án nhằm tăng cường năng lực quản lý dự án, giám sát các hoạt động của dự án bao gồm việc thực hiện các chính sách an toàn.
- Kiểm toán nội bộ tại Chủ dự án và các chủ dự án thành phần, kiểm toán báo cáo tài chính trong suốt quá trình thực hiện dự án.
- Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý cho các Ban quản lý cấp Trung ương và cấp tỉnh.

#### **1.4. Tác động của dự án**

Việc thực hiện các tiểu dự án sẽ mang lại hiệu quả tích cực liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội của khu vực. Tuy nhiên, nó cũng sẽ gây ra những tác động bất lợi, chủ yếu do nhu cầu thu hồi đất và thi công sửa chữa đập, mà là không thể tránh khỏi. Các tác động tiềm tàng được đánh giá trên cơ sở các cuộc tham vấn rộng rãi, tham vấn trước và tham vấn phổ biến thông tin đối với các cộng đồng DTTS trong khu vực dự án. Kết quả đánh giá này cũng được căn cứ trên cơ sở các cuộc tham vấn và phỏng vấn sâu các bên có liên quan tại các khu vực thực hiện TDA. Thông tin về các cuộc tham vấn đã được thực hiện được trình bày trong phụ lục 1.

##### **1.4.1. Tác động tích cực**

Thông qua việc sửa chữa, cải tạo các hồ chứa, dự kiến dự án sẽ đem lại những lợi ích thiết thực sau:

*Cải thiện an toàn đập thông qua phục hồi kết cấu của các hạng mục công trình hiện có*

*Đảm bảo cung cấp nước chủ động cho sản xuất nông nghiệp*

Trong quá trình thi công, có thể một bộ phận lao động phổ thông của địa phương được huy động sẽ tạo được cơ hội thu nhập ngắn hạn cho người dân. Ngoài ra, thông qua phát triển kinh tế ở khu vực sẽ giúp tăng cơ hội việc làm tại chỗ và giảm bớt tình trạng người di cư tự do, hạn chế các dịch bệnh, tệ nạn xã hội và mất ổn định kinh tế xã hội do di cư mang lại.

*Cải thiện sức khỏe, giảm sức lao động, giảm thiểu rủi ro cho cộng đồng:* các TDA không chỉ cải thiện nguồn nước sản xuất mà còn giúp người dân tiếp cận tốt hơn với

nguồn nước sạch trong sinh hoạt. Bên cạnh đó, công tác quản lý, vận hành các công trình sẽ được nâng cao góp phần: (i) hạn chế các hoạt động gây ô nhiễm môi trường khu vực công trình, và (ii) hạn chế các rủi ro về nguy cơ đuối nước, nhất là đối với phụ nữ và trẻ em xung quanh khu vực công trình<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Một số báo cáo TDA có ghi nhận tình trạng đuối nước và nguy cơ đuối nước ở trẻ em xảy ra liên quan đến công trình hồ chứa nước như tại TDA hồ chứa nước Đại Thắng trong năm 2014 có 04 trẻ em bị đuối nước trên địa bàn xã An Bình.

### **1.4.2. Tác động tiêu cực**

#### *Tác động đến đất đai và sinh kế*

- Thu hồi đất: Việc thực hiện các tiểu dự án ở một số khu vực nhất định sẽ không tránh khỏi việc thu hồi đất.
- Hoạt động sinh kế: việc thi công các TDA sẽ tác động đến hoạt động sản xuất của một bộ phận các hộ DTTS do việc cắt nước phục vụ thi công và có khả năng làm ảnh hưởng đến sinh kế của các hộ DTTS mà có nguồn thu phụ thuộc vào việc đánh bắt thủy sản tại các khu vực hồ đập được nâng cấp và sửa chữa.

#### *Ảnh hưởng đến mô mả và các công trình văn hóa*

Trong quá trình thực hiện các tiểu dự án có thể có tác động tới mô mả hay công trình văn hóa, tin ngưỡng của các nhóm DTTS..

#### *Ảnh hưởng tới cộng đồng*

Quá trình thi công dự án sẽ gây ra những tác động nhất định đến cộng đồng DTTS trong khu vực dự án. Các nguy cơ rủi ro về mặt xã hội như: mất an ninh trật tự, xung đột văn hóa giữa người dân bản địa và công nhân của công trình; gia tăng các tệ nạn xã hội và các bệnh xã hội. Các nguy cơ về tác động môi trường như tiếng ồn và ô nhiễm bụi cũng có thể xảy ra.

#### **Các biện pháp giảm thiểu:**

**Thu hồi đất:** Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do thu hồi đất thông qua các chính sách về bồi thường và hỗ trợ tái định cư của dự án. Dự án sẽ tiến hành tham vấn rộng rãi, tham vấn trước và tham vấn phổ biến thông tin đối với các cộng đồng DTTS BAH. Các hộ DTTS bị ảnh hưởng sẽ được nhận đầy đủ các quyền lợi của mình và những chương trình phục hồi đặc biệt dành cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương của dự án.

Khi việc thu hồi đất ở là không thể tránh khỏi, ngoài việc bồi thường thỏa đáng, việc bố trí tái định cư cho nhóm hộ này cần tính đến đặc điểm văn hóa, sự gắn kết cộng đồng Trong trường hợp không thể bố trí tái định cư tại cộng đồng cũ, vị trí tái định cư mới cần phải được tham vấn và đồng thuận của các hộ di dời.

*Ảnh hưởng tạm thời đến nguồn nước sản xuất:* Cần có kế hoạch thi công phù hợp để giảm thiểu tối đa việc cắt nước hoàn toàn để thi công. Các ảnh hưởng tạm thời do cắt nước sẽ được bồi thường và hỗ trợ theo mức đề xuất trong Kế hoạch hành động tái định cư.

*Ảnh hưởng đến mô mả và các công trình văn hóa:* Trong trường hợp, việc thi công ảnh hưởng tới các công trình văn hóa, cần tiến hành cuộc tham vấn rộng rãi, tham vấn trước và tham vấn phổ biến thông tin đối với các cộng đồng DTTS. Các hoạt động di dời hoặc phục hồi nguyên trạng mô mả và các công trình văn hóa cần phải được tiến hành theo phong tục tập quán của các tộc người BAH.

*Ảnh hưởng tới cộng đồng:* Trong thời gian xây dựng, tác động tiềm tàng và rủi ro liên quan đến hoạt động xây dựng và lán trại, các nhà thầu phải làm việc chặt chẽ với chính quyền địa phương để đảm bảo việc xây dựng lán trại cho công nhân có tính đến yếu tố tránh/ giảm thiểu các nguy cơ tác động tiêu cực đến đời sống sinh hoạt hàng ngày của các DTTS. Để tránh/ giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm ẩn về xã hội và văn hóa đối với các cộng đồng DTTS trong thời gian thi công, các công nhân và những người có liên quan cần được đào tạo để hiểu rõ về văn hóa của nhóm DTTS sinh sống tại khu vực dự án, tạo việc làm tại chỗ cho người dân tộc thiểu số trong thời gian thi công. Khuyến khích các nhà thầu thi công tuyên lao động phổ thông là người dân tộc thiểu số tại địa phương, đặc biệt là lao động nữ; mức lương chi trả cho người dân tộc thiểu số ngang bằng với các đối tượng khác.

Nhà thầu cần tuân thủ quy định, cũng như đặc điểm kỹ thuật cho trại xây dựng và giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường được quy định trong Kế hoạch quản lý môi trường (đặc biệt cho các lĩnh vực liên quan đến người DTTS).

Các nguy cơ lây nhiễm các bệnh xã hội sẽ được xử lý riêng biệt trong Chiến lược sức khỏe cộng đồng sẽ lập cho từng TDA.

#### ***1.4.3. Tác động tới nhóm DTTS của các TDA trong giai đoạn đầu***

Trong tổng số 12 tiểu dự án được lựa chọn để thực hiện trong năm đầu, có 05 TDA có dân tộc thiểu số hiện diện trong khu vực tiểu dự án. EMDP đã được chuẩn bị cho những năm tiểu dự án, bao gồm cả TDA Đại Thắng (tỉnh Hòa Bình), TDA Khe Chè (tỉnh Quảng Ninh), TDA Đồng Bể (tỉnh Thanh Hóa), TDA Sông Quao (tỉnh Bình Thuận), và TDA Đạ Tẻh (tỉnh Lâm Đồng).

Trong năm tiểu dự án có EM trong vùng dự án, chỉ có một tiểu dự án (Đại Thắng) là có thể gây ra tác động tiêu cực tiềm năng ước tính khoảng 223 hộ dân tộc thiểu số

BAH do sự hạn chế nước tạm thời mà có thể diễn ra trong một mùa trồng trọt. Đối với tiểu dự án này, một RAP đã được chuẩn bị để đảm bảo việc mất cơ hội thu hoạch được một cách thích hợp và kịp thời bồi thường - theo RPF dự án '(xin xem RAP chuẩn bị cho Đại Thắng tiểu dự án để biết thêm). Đối với bốn tiểu dự án còn lại, không có tác động bất lợi được dự đoán. EMDP cho bốn tiểu dự án đã được chuẩn bị trên cơ sở đánh giá xã hội và tham vấn với các dân tộc thiểu số từ các tiểu dự án. Tuy nhiên, tất cả các tiểu dự án với các dân tộc thiểu số có thể gặp những tác động bất lợi đối với đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian xây dựng. EMDP nhằm cung cấp các cơ hội phát triển cho các EM hiện diện trong khu vực tiểu dự án mặc dù họ không bị ảnh hưởng bất lợi đến như là một kết quả của việc thực hiện tiểu dự án. Tuy nhiên, bốn tiểu dự án, sau khi hoàn thành, sẽ tăng cường an toàn hồ chứa và cải thiện tiếp cận nước cho các dân tộc thiểu số người sử dụng nước từ các hồ chứa này cho sản xuất nông nghiệp của họ.

### **1.5. Mục tiêu của EMPF**

Chính sách hoạt động 4.10 của Ngân hàng yêu cầu khi dự án có liên quan đến việc chuẩn bị và thực hiện các chương trình đầu tư hàng năm hay rất nhiều các tiểu dự án, song sự xuất hiện của dân tộc thiểu số tại vùng tiểu dự án có thể không xác định được khi chưa xác định các chương trình/tiểu dự án trong quá trình thực hiện dự án thì chủ dự án phải chuẩn bị một Khung chính sách phát triển cho người dân tộc thiểu số (EMDF). EMPF này cung cấp các chỉ dẫn cách thức lập một Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) cho một chương trình/tiểu dự án. Trên cơ sở tham vấn với người DTTS bị ảnh hưởng trong vùng tiểu dự án, EMPF giúp đảm bảo rằng:

(a) Những người DTTS bị ảnh hưởng nhận được lợi ích về kinh tế - xã hội phù hợp với văn hóa của họ;

(b) Khi ở đó xuất hiện tác động tiêu cực tiềm năng đối với người DTTS, những yếu tố đó cần được xác định, phòng tránh, giảm thiểu, giảm nhẹ, hoặc bồi thường.

EMPF này đã được chuẩn bị trên cơ sở a) đánh giá xã hội chuẩn bị cho 12 tiểu dự án trong năm đầu, bao gồm cả việc đánh giá tác động môi trường, b) tham vấn với người dân tộc thiểu số hiện diện trong khu vực dự án (Xin xem Phụ lục 1 của tài liệu này để tham khảo ý kiến tóm tắt) và c) tham vấn với các bên liên quan chính của dự án, bao gồm Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc, và Ngân hàng Thế giới.

## **II. KHUNG PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH**

Khung pháp lý và chính sách được xây dựng cho dự án nhằm đảm bảo rằng người dân tộc thiểu số có mặt trong vùng dự án (trương đương với những người yếu thế được xác định ở OP 4.10 của Ngân hàng Thế giới) có cơ hội chia sẻ lợi nhuận từ dự án một cách công bằng, và họ được tham vấn tự do, thông báo trước và phổ biến thông tin đầy đủ về dự án nhằm đảm bảo quyền tiếp cận cộng đồng rộng rãi và hỗ trợ sự thành công của dự án, và bất kỳ một yếu tố tác động tiêu cực nào cũng phải được giảm thiểu tối đa, EMPF được áp dụng cho tất cả các tiểu dự án, hướng dẫn cách thức sàng lọc sơ bộ về dân tộc thiểu số, đánh giá tác động xã hội, lập Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) và xác định các biện pháp giảm thiểu được áp dụng có thể được tính đến trong quá trình tham vấn, giải quyết khiếu nại, vấn đề nhạy cảm về giới, và quản lý. Bản EMDP sơ bộ được trình bày trong phần Phụ lục 2.

Hoạt động tham vấn và sự tham gia của người DTTS, khi các tiểu dự án có ảnh hưởng tới người DTTS, người DTTS bị tác động được tham vấn trên cơ sở nguyên tắc tự do, thông báo trước và phổ biến thông tin đầy đủ, rõ ràng, nhằm đảm bảo:

(a) Người DTTS và cộng đồng nơi họ đang sinh hoạt được tham vấn tại mỗi giai đoạn chuẩn bị và thực hiện của tiểu dự án.

(b) Các biện pháp tham vấn phù hợp về mặt xã hội và văn hóa được áp dụng khi tham vấn cho các cộng đồng người DTTS. Trong quá trình tham vấn, đặc biệt chú ý tới các vấn đề có liên quan tới phụ nữ, thanh niên, và trẻ em người DTTS và cách để họ tham gia vào những hoạt động phát triển của dự án;

(c) Những người DTTS bị tác động và cộng đồng của họ được thông tin một cách dễ hiểu và phù hợp với văn hóa của họ ở mỗi giai đoạn chuẩn bị và thực hiện của dự án, và những thông tin có liên quan tới dự án (bao gồm thông tin về những tác động tiêu cực tiềm tàng mà dự án có thể ảnh hưởng đến họ); và

(d) Tham vấn tự do, thông báo trước và thông tin đầy đủ với EM dẫn đến một sự hỗ trợ cộng đồng rộng lớn cho việc thực hiện dự án.

Nơi nào cần thiết, một người địa phương (cùng nhóm DTTS hiểu biết, sử dụng ngôn ngữ) sẽ được mời tham gia phiên dịch để thúc đẩy việc trao đổi thông tin giữa các dân tộc thiểu số và các chuyên gia tư vấn

## **2.1. Khung pháp lý và chính sách quốc gia về người dân tộc thiểu số**

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (năm 2013) ghi nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam. Điều 5, Hiến pháp 2013 quy định:

1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.
2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.
3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.
4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.

Chính phủ Việt Nam đã xây dựng một loạt các chính sách nhằm phát triển, nâng cao điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội của người dân tộc thiểu số tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa. Chính phủ đã triển khai chương trình 135 giai đoạn I, II để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc, miền núi. Chương trình 135 giai đoạn III cũng đã được tiếp tục triển khai bao gồm hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015, là dự án thành phần của chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và giai đoạn 2016-2020 để tạo cơ hội đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội ở các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn vùng Dân tộc thiểu số và miền núi. Bên cạnh việc các chương trình phát triển chung cho các cộng đồng DTTS, Chính phủ giao cho Ủy ban Dân tộc chủ trì hướng dẫn các tỉnh xây dựng dự án Hỗ trợ phát triển các dân tộc có dân số dưới 1000 người như các nhóm: Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ó đư. Chính phủ cũng ban hành Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo, nơi tập trung nhiều đồng bào DTTS đang sinh sống.

Nghị định số 84/2012/NĐ-CP do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 12/10/2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban dân tộc (CEMA). Nghị định quy định Ủy ban Dân tộc là cơ quan ngang Bộ của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Dân tộc theo quy định của pháp luật. Cùng với Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/1/2011 về công tác Dân tộc,

Nghị định 84/2012/NĐ-CP được ban hành là cơ sở pháp lý để Ủy ban Dân tộc tiếp tục cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng về công tác dân tộc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, nhằm đảm bảo và thúc đẩy sự bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển, giữ gìn bản sắc văn hoá của các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Các tài liệu của Chính phủ về vấn đề dân chủ cơ sở và sự tham gia của người dân cũng liên quan trực tiếp tới Khung phát triển DTTS này. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11, ban hành ngày 20/4/2007 (thay thế Nghị định 79/2003/NĐ-CP ban hành ngày 7/7/2003) về thực hiện dân chủ tại cấp xã, phường, và thị trấn/ thị xã cung cấp cơ sở cho sự tham gia của cộng đồng vào việc chuẩn bị các kế hoạch phát triển và sự giám sát của cộng đồng tại Việt Nam. Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 18/4/2005 quy định việc giám sát đầu tư của cộng đồng. Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật của Ủy Ban Dân tộc từ năm 2013 đến năm 2016 nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức tự giác, tôn trọng, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của hệ thống cơ quan làm công tác Dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số.

Việc xây dựng chính sách kinh tế xã hội cho từng vùng miền và từng nhóm đối tượng cần xét tới các nhu cầu của người dân tộc thiểu số. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và Chiến lược Phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam kêu gọi sự quan tâm đặc biệt đến người DTTS. Chính sách về giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho người DTTS cũng đã được ban hành. Khuôn khổ pháp lý đã được cập nhật vào năm 2014, các tài liệu pháp lý cơ bản liên quan tới DTTS được trình bày trong Bảng 2.

**Bảng 2: Văn bản pháp luật liên quan đến Dân tộc thiểu số**

2013	Thông tư liên tịch số 05/2013-TTLT-UBDT-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 hướng dẫn Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất cho xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn, bản đặc biệt khó khăn.
2012	Quyết định 54/2012-QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 4/12/2012 về Ban hành chính sách cho vay vốn phát triển đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015.



2012	Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban dân tộc.
2012	Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTP-UBND ngày 17/1/1012 của Bộ Tư pháp và Ủy ban dân tộc về việc hướng dẫn trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số
2011	Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011-2020,
2010	Nghị định số 82/2010/ND-CP ngày 20/7/2010 của chính phủ về dạy và học tiếng dân tộc ở các trường học.
2009	Quyết định số 102/2009/QĐ-TTG ngày 07/08/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn.
2008	Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của chính phủ ngày 27/12/2008 về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo nhất.
2007	Thông tư 06 ngày 20/9/2007 của Ủy ban dân tộc hướng dẫn về việc hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện sinh kế của người dân, hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao kiến thức về luật theo quyết định 112/2007/QĐ-TTg.
2007	Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của Ủy ban dân tộc chấp thuận ba vùng dân tộc thiểu số và khu vực miền núi dựa trên tình trạng phát triển.
2007	Quyết định số 01/2007/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của Ủy ban dân tộc về việc công nhận các xã, huyện ở các khu vực miền núi.
2007	Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 12/1/2007 của Ủy ban dân tộc về chiến lược truyền thông cho chương trình 135-giai đoạn 2.

## 2.2. Chính sách hoạt động của NHTG về người DTTS (OP 4.10)

Mục tiêu chính sách OP 4.10 của NHTG hướng tới việc hạn chế những yếu tố ảnh hưởng, tác động tiêu cực tới người dân bản địa và tăng cường các hoạt động nhằm mang lại lợi ích và lưu giữ những giá trị văn hoá truyền thống của họ. NHTG yêu cầu

người dân bản địa (ở đây được hiểu là DTTS) được cung cấp đầy đủ thông tin và tự do tham gia và dự án phải được phần lớn người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi dự án ủng hộ. Dự án đư thiết kế để đảm bảo rằng người dân tộc thiểu số không phải chịu những tác động xấu của quá trình phát triển, đặc biệt là những tác động của các dự án do NHTG tài trợ, và đảm bảo rằng họ sẽ được thụ hưởng những lợi ích kinh tế, xã hội và những lợi ích này phù hợp với văn hóa của họ.

Chính sách định nghĩa dân tộc thiểu số có thể được xác định trong các khu vực địa lý đặc biệt bởi sự hiện diện về mức độ khác nhau của các đặc điểm sau:

- (a) Tự gắn bó chặt chẽ như các thành viên của nhóm văn hóa bản địa khác biệt và được thừa nhận về đặc điểm này bởi những người khác;
- (b) Sống gắn bó tập trung tại môi trường khác biệt về địa lý hoặc vùng lãnh thổ do tổ tiên để lại trong khu vực có dự án và gắn với thiên nhiên tại môi trường sống và lãnh thổ đó;
- (c) Thể chế văn hóa, kinh tế, xã hội hoặc chính trị mang tính phong tục khác biệt so với những đặc điểm đó của văn hóa, xã hội chiếm đa số; và
- (d) Ngôn ngữ bản địa thường khác so với ngôn ngữ chính thống của vùng hoặc nước đó.

Điều kiện bắt buộc để phê duyệt dự án đầu tư, OP 4.10 yêu cầu bên vay thực hiện tham vấn và công bố thông tin với các dân tộc thiểu số có thể bị tác động và thiết lập một mô hình hỗ trợ cộng đồng rộng lớn cho các tiểu dự án và mục tiêu của nó. Điều quan trọng cần lưu ý rằng OP 4.10 đề cập đến nhóm xã hội và cộng đồng, không cho từng cá nhân. Các mục tiêu chính của OP 4.10 là:

- Để đảm bảo rằng các nhóm này được dành cơ hội có ý nghĩa tham gia vào kế hoạch hoạt động của dự án có ảnh hưởng đến họ;
- Để đảm bảo rằng các nhóm có cơ hội được cung cấp lợi ích văn hóa thích hợp với họ; và
- Để đảm bảo tránh những tác động bất lợi của dự án đến họ hoặc nếu không sẽ giảm thiểu và giảm nhẹ những bất lợi đó.

Trong bối cảnh của tiểu dự án, các nhóm DTTS trong khu vực tiểu dự án có khả năng nhận được những lợi ích lâu dài thông qua sửa chữa, nâng cao an toàn đập, nhưng họ có thể bị ảnh hưởng xấu do thu hồi đất và /hoặc di dời. Chính sách cụ thể và kế hoạch hành động để giảm thiểu các tác động tiềm tàng do thu hồi đất và tái định cư sẽ được giải quyết thông qua việc chuẩn bị Kế hoạch hành động Tái định cư (RAP) của tiểu dự

án.

### III. CHUẨN BỊ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DTTS

Kế hoạch phát triển DTTS (EMDP) được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá xã hội và tham vấn với người DTTS trong khu vực dự án. Tham vấn là việc làm rất quan trọng đối với việc chuẩn bị EMDP bởi nó cung cấp cho những nhóm người DTTS (kể cả những người bị ảnh hưởng và những người có khả năng bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án) những cơ hội tham gia vào quá trình lập kế hoạch và thực hiện các tiểu dự án. Quan trọng hơn, nó giúp xác định được các yếu tố tác động tiêu cực tiềm năng, nếu có, như là một kết quả của tiểu dự án, trên các hoạt động tạo thu nhập của người DTTS và sinh kế của họ, từ đó có thể đưa ra các biện pháp phù hợp để có thể tránh, giảm thiểu và giảm nhẹ những tác động tiêu cực. Tham vấn cũng nhằm mục đích đảm bảo cho người DTTS có cơ hội để hiểu rõ ràng hơn những điều họ cần dự án hỗ trợ, trên cơ sở hiểu biết của họ về mục đích của tiểu dự án/dự án, liên quan đến mục tiêu và các hoạt động của dự án. Trong những dự án mà NHTG tài trợ, toàn bộ việc thiết kế EMDP đều dựa trên kết quả nghiên cứu được dẫn chiếu là đánh giá xã hội.

Trong các cuộc tham vấn, ngôn ngữ được sử dụng cần đảm bảo phù hợp với sở thích và nhận thức của nhóm DTTS tham gia tham vấn. Các cuộc tham vấn cần tiến hành riêng biệt đối với từng nhóm DTTS nhằm đảm bảo họ cảm thấy thoải mái và tự do phát biểu ý kiến của mình. Cách thức, hình thức trình bày nội dung tham vấn; thời gian, địa điểm tổ chức các cuộc tham vấn phải thích hợp cho sự tham gia của người DTTS và phù hợp với văn hóa của họ.

Các EMDP tiểu dự án bao gồm cần thiết mô tả bằng bản đồ khu vực vị trí của các cộng đồng và các hoạt động của tiểu dự án, bao gồm cả vị trí của lán trại công nhân và các công trình phụ trợ, nhằm đảm bảo rằng tất cả các tác động tiềm năng, và rủi ro đến DTTS được xác định / đánh giá.

#### 3.1. Đánh giá tác động xã hội

**Mục đích:** Đánh giá tác động xã hội (SA), trong văn bản về Chính sách hoạt động 4.10 của Ngân hàng, là một nghiên cứu với mục tiêu phát hiện ra cách những hoạt động đã lên kế hoạch của dự án, thuộc tiểu dự án mà NHTG tài trợ, ảnh hưởng như thế nào tới sinh kế của người DTTS đang sinh sống tại khu vực của tiểu dự án. Mục đích của SA làm nhằm đảm bảo nếu có bất kỳ yếu tố tác động tiêu cực nào xảy ra như một kết quả của tiểu dự án, thì các biện pháp phù hợp phải được thực hiện ngay (trước khi tiến hành thực hiện tiểu dự án) nhằm tránh, giảm nhẹ, giảm thiểu những yếu tố tác động

tiêu cực này, hoặc nếu không thể tránh khỏi thì tiến hành bồi thường cho những người bị ảnh hưởng. SA cũng nhằm khảo sát, dựa trên hiểu biết về đặc thù văn hóa, kinh tế - xã hội của cộng đồng DTTS, những hoạt động phát triển khả thi mà dự án có thể tiến hành (liên quan tới mục đích/mục tiêu của dự án) nhằm đảm bảo người DTTS ở những khu vực tiểu dự án nhận được lợi ích kinh tế - xã hội hợp lý nhất đối với họ.

**Phương pháp.** Một đánh giá tác động xã hội, nói tóm lại, gồm một chuỗi những hoạt động được lên kế hoạch và thực hiện cẩn trọng nhằm tạo ra kết quả mà đã được phác thảo trong phần *Mục đích* nêu trên. Điều quan trọng nhất khi tiến hành SA là tiến trình tham vấn được thực hiện đối với người DTTS ở khu vực tiểu dự án nhằm thu thập các dữ liệu có liên quan, phân tích dữ liệu, và viết báo cáo EMDP. Tham vấn cần tổ chức các cuộc họp với người DTTS vào những thời điểm khác nhau trong chu kỳ thực hiện tiểu dự án nhằm đảm bảo dự báo tác động tiềm năng chính xác nhất có thể. Một thực tiễn tốt là cần cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về các tiểu dự án trước khi tiến hành tham vấn người DTTS trong diện được tham vấn. Ngoài ra, nếu chủ dự án có thể dự kiến được thì các tác động tiềm tàng, cần phải cho người DTTS biết để giúp họ hiểu biết rõ về bản chất và mức độ tác động của dự án tới các hoạt động tạo thu nhập và sinh kế của họ.

Các biện pháp tư vấn phù hợp, cụ thể với từng nhóm DTTS, cần phải được thông qua nhằm thu được phản hồi hợp lý và đáng tin cậy từ những người DTTS được tham vấn. Khi tham vấn người DTTS, cần quan tâm đặc biệt đến những nhóm yếu thế, đặc biệt là những người ở dưới mức đói nghèo, không có đất đai, người già, phụ nữ và trẻ em. Điều quan trọng là phải có được sự hỗ trợ của cộng đồng rộng rãi trước khi thẩm định tiểu dự án để đưa vào thực hiện.

**Thu thập dữ liệu.** Có 2 loại dữ liệu cần thu thập để đánh giá tác động xã hội cho tiểu dự án. Dữ liệu có sẵn về dân số DTTS bị tác động/mục tiêu dân số DTTS là dữ liệu thứ cấp. Những dữ liệu này có thể có ở những báo cáo của chính quyền địa phương, sách thống kê, sách, báo, và tạp chí. Nhóm đánh giá tác động xã hội (có thể là nhân viên được đào tạo của PPMU, hoặc tư vấn viên) cần kiểm tra liệu dữ liệu thứ cấp hiện có có đủ không để không thu thập trùng số liệu. Kinh nghiệm cho thấy dữ liệu đặc thù ở mức độ hộ gia đình đặc biệt không có sẵn. Do đó, những dữ liệu sơ cấp cần được thu thập từ những người bị tác động thông qua gặp gỡ/phỏng vấn hộ gia đình, hoặc thông qua thảo luận nhóm tập trung, sử dụng các kỹ năng phỏng vấn phù hợp.

**Loại dữ liệu.** Khi thực hiện đánh giá tác động xã hội để phát triển một EMDP, những thông tin sau cần phải được thu thập từ cả hai nguồn thứ cấp và sơ cấp.

- Dữ liệu chung về kinh tế - xã hội của người DTTS có thể bị tác động, xác định rõ dữ liệu nhân khẩu học, thành phần hộ gia đình, số liệu phân tách theo giới về dòng thu nhập và nghề nghiệp, giáo dục, tình trạng sức khỏe, v.v.;
- Đặc điểm văn hóa của những nhóm DTTS;
- Các hoạt động tạo thu nhập, bao gồm các nguồn thu nhập, sự chia cách trong các thành viên trong hộ gia đình, mùa lao động;
- Hiểm họa thiên nhiên hàng năm có thể ảnh hưởng tới sinh kế và khả năng tạo thu nhập;
- Vốn xã hội, hệ thống sản xuất và sinh kế, phương thức sở hữu tài sản mà người DTTS có thể lệ thuộc;
- Quan hệ cộng đồng (vốn xã hội, quan hệ họ hàng, mạng xã hội,...);
- Yếu tố tiềm năng (tích cực và tiêu cực) của tiểu dự án đến sinh kế của họ;
- Hỗ trợ ưu đãi cho người DTTS thực hiện các hoạt động phát triển, do dự án tài trợ (Đánh giá Nhu cầu).

**Phân tích dữ liệu.** Công việc này là một thách thức, từ đơn giản đến phức tạp, phụ thuộc vào loại dữ liệu được thu thập và tính phức tạp của dữ liệu, cũng như kỹ năng phân tích dữ liệu của nhóm đánh giá tác động xã hội. Đề xuất phân tích dữ liệu định tính cần được thu thập và phân tích nhằm hỗ trợ cho những tìm kiếm của việc đánh giá tác động xã hội. Phân tích định lượng cần được xem xét kỹ lưỡng trước và chỉ được thực hiện với sự hỗ trợ giúp của cán bộ được đào tạo và hỗ trợ của tư vấn bên ngoài.

### Sàng lọc về DTTS

Nếu các kết quả sàng lọc cho thấy có người DTTS ở trong vùng tiểu dự án, có thể bị ảnh hưởng tiêu cực hoặc có thể không được hưởng lợi từ dự án thì phải lập một kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số.

Các căn cứ để xác định có phải lập kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số hay không sẽ căn cứ vào một trong các tiêu chí sau:

- Xã có người dân tộc thiểu số thuộc đang sinh sống thuộc xã đặc biệt khó khăn;
- Có tác động thu hồi đất sản xuất, đất ở đối với nhóm hộ DTTS;
- Có tác động tiêu cực đến cộng đồng DTTS đang sinh sống trong khu vực;
- Nhu cầu hỗ trợ phát triển của nhóm DTTS trong khu vực thông qua tham vấn.

Ngoài ra, nếu cộng đồng các DTTS nằm trong khu vực dự án phải chịu ảnh hưởng tới các bản sắc văn hóa hoặc đối mặt với những khó khăn có thể tạo sự cản trở cho họ

tham gia, hưởng lợi từ dự án thì cần có những biện pháp thích hợp khắc phục, giảm thiểu vấn đề này.

### **3.2. Các bước gợi ý để xây dựng một EMDP**

CPO, PPMU hoặc tư vấn cần tuân thủ các bước sau đây để lập Kế hoạch phát triển DTTS cho tiểu dự án.

#### **3.2.1. Sàng lọc dân tộc thiểu số**

Việc kích hoạt chính sách OP4.10 để đảm bảo sự hiện diện của đồng bào dân tộc thiểu số trong khu vực của dự án ảnh hưởng, cho dù họ đang không bị ảnh hưởng xấu hoặc "không thể được hưởng lợi từ các tiểu dự án;" nếu đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng lợi từ một dự án - mà không có tác động xã hội bất lợi trực tiếp - EMDP vẫn nên được chuẩn bị dựa trên tham vấn tự do, thông báo trước và thông tin đầy đủ và đánh giá xã hội để đảm bảo rằng các tiểu dự án sẽ cung cấp lợi ích phù hợp với văn hóa của người DTTS,...

- Thứ nhất, sàng lọc cho người dân tộc thiểu số cần được thực hiện trong khu vực tiểu dự án, và / hoặc khu vực ảnh hưởng - đã được xác định bởi đánh giá tác động Môi trường được chuẩn bị cho các tiểu dự án.
- Thứ hai, nếu sàng lọc dân tộc thiểu số xác nhận rằng có DTTS hiện diện trong khu vực tiểu dự án, một EMDP cần phải được chuẩn bị - trên cơ sở đánh giá xã hội và tham vấn với người dân tộc thiểu số. Nếu sàng lọc DTTS khẳng định KHÔNG, không cần chuẩn bị EMDP.

#### **3.2.2. Chuẩn bị trước khi tiến hành tham vấn tự do, thông báo trước và cung cấp thông tin đầy đủ (FPIC):**

Trước khi bắt đầu tham vấn với người dân tộc thiểu số, mục tiêu của EMDP cần được đặt ra. Điều này nhằm đảm bảo: a) Tránh, giảm thiểu, giảm nhẹ yếu tố tác động tiêu cực tiềm năng tới việc kiếm sống /sinh kế (nếu có) và b) nhóm DTTS (trong khu vực tiểu dự án) nhận được lợi ích kinh tế và xã hội (từ dự án) thích hợp với văn hóa của họ.

Các thông tin / công cụ sau đây cần phải sẵn sàng để hỗ trợ việc chuẩn bị EMDP:

- Những phát hiện chính của đánh giá tác động xã hội, bao gồm cả tác động tích cực và tác động tiêu cực của các tiểu dự án, nếu có,

- Công cụ thu thập dữ liệu (bao gồm): a) hướng dẫn câu hỏi - để tạo thuận lợi cho các cuộc tham vấn, b) bảng câu hỏi hộ gia đình (nếu phân tích định lượng là cần thiết), c) đồ dùng khác hỗ trợ ghi dữ liệu. Công cụ thu thập dữ liệu nên được thử nghiệm trước để đảm bảo rằng các câu hỏi dễ hiểu và phù hợp với DTTS được tham vấn,
- Ngôn ngữ: khi thử nghiệm trước / kinh nghiệm chỉ ra rằng ngôn ngữ của nhóm DTTS địa phương nên được sử dụng để tham vấn (thay vì tiếng Việt), một phiên dịch viên tốt (nên là một người cùng nhóm DTTS được tham vấn) nên được mời tham gia trong nhóm nghiên cứu để thúc đẩy việc trao đổi thông tin hiệu quả và thuận tiện trong quá trình tham vấn,
- Thông tin dự án: một tập hợp các tài liệu tóm tắt thông tin quan trọng liên quan đến dự án, như a) Mục tiêu dự án, b) Mục tiêu của tiểu dự án, c) Tác động tiềm tàng của tiểu dự án (như xác nhận từ đánh giá tác động xã hội), vv, nên được chuẩn bị cẩn thận và cung cấp trước cho nhóm DTTS tham vấn.

### ***3.2.3. Tiến hành tham vấn tự do, thông báo trước và cung cấp thông tin đầy đủ (FPIC)***

- Nhóm nghiên cứu phải đảm bảo tham vấn tự do, thông báo trước và cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, và thúc đẩy sự tham gia của các dân tộc thiểu số tham gia phát biểu ý kiến. Các phương pháp tham vấn sử dụng phải phù hợp với các giá trị xã hội và văn hóa của các cộng đồng DTTS tham khảo ý kiến, và điều kiện địa phương. Mục đích của FPIC thực hiện để xác nhận sự hỗ trợ của cộng đồng cho việc thực hiện tiểu dự án. Trong trường hợp các kết quả của tiểu dự án ảnh hưởng tiêu cực, thì điều quan trọng là người DTTS bị ảnh hưởng hiểu được rõ và đầy đủ những ảnh hưởng tiềm năng, vì thế có thể cung cấp một sự phản hồi ý nghĩa về việc làm thế nào để những ảnh hưởng đó có thể tránh được/ giảm thiểu/ giảm nhẹ, và làm thế nào để bồi thường trong trường hợp tác động tiêu cực là không thể tránh khỏi.
- Điều quan trọng đối với nhóm nghiên cứu là hiểu rõ và đánh giá được mức độ hỗ trợ của người DTTS mà họ tư vấn, đặc biệt đối với những người bị ảnh hưởng tiêu cực và kỳ vọng vào sự giảm thiểu phù hợp hoặc các biện pháp bồi thường thỏa đáng.
- Các kết quả tham vấn có thể được cung cấp cho các cộng đồng DTTS để cả nhóm nghiên cứu và người DTTS công nhận các kết quả của quá trình tham vấn

và điều chỉnh tỉ mỉ để đạt hiệu quả tối ưu các hoạt động dự kiến, nếu cần thiết. Cung cấp sự phản hồi tham vấn là đặc biệt quan trọng đối với những trường hợp mà ở đó có sự ảnh hưởng tới người DTTS được xác nhận (từ đánh giá xã hội), và đã được thảo luận với người DTTS trong quá trình tham vấn. Cung cấp sự phản hồi tới người bị ảnh hưởng có thể tạo nên trong các cuộc họp cộng đồng – được tiến hành theo cách tương tự như tiêu chuẩn trong FPIC

#### **3.2.4. Ủng hộ cao của cộng đồng**

Sự ủng hộ cao của cộng đồng đối với việc thực hiện một tiểu dự án là rất quan trọng. Ngân hàng sẽ cung cấp tài chính cho dự án chỉ khi ở đó đã tiến hành tham vấn tự do, thông báo trước và cung cấp thông tin đầy đủ và có sự ủng hộ cao của cộng đồng. Sự ủng hộ cao của cộng đồng được biểu thị qua kết quả đánh giá xã hội tốt và tham vấn. Điều quan trọng là sự ủng hộ cao của cộng đồng (với sự có mặt của cộng đồng, và mức độ hỗ trợ tốt) sẽ được tài liệu hóa và phản ánh trong EMDP, đặc biệt với dự án/ tiểu dự án có ảnh hưởng cao tới cộng đồng DTTS. Sự hỗ trợ cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng tham khảo sự thể hiện tập thể của các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng, thông qua các cá nhân và/ hoặc các đại diện được công nhận của họ, của sự hỗ trợ cộng đồng rộng rãi đối với các hoạt động của dự án. Sự ủng hộ cao của cộng đồng có thể được duy trì ngay cả khi có các cá nhân hay các nhóm phản đối các hoạt động của dự án.

#### **3.2.5. Viết báo cáo EMDP**

Một EMDP có thể bao gồm các yếu tố và khía cạnh như được đề cập trong OP 4.10 của Ngân hàng. Sự chính xác và sâu sắc của EMDP có thể phụ thuộc vào bản chất những ảnh hưởng của dự án, các hoạt động phát triển dự kiến – như đã thỏa thuận với người DTTS được tham vấn. Bản EMDP cuối cùng, kết hợp với cuộc họp tham vấn đối với người DTTS để lấy ý kiến phản hồi sẽ được công bố - theo như yêu cầu của OP 4.10. Xin xem Phụ lục 2 của EMPF này về gợi ý đề cương cho một EMDP.

### **3.3. Quy trình xem xét và phê duyệt EMDP**

Một EMDP của tiểu dự án sau khi được chuẩn bị hoàn thành PPMU cần trình EMDP cho CPMU xem xét cho ý kiến trước khi trình lên NHTG để xem xét trước và kiến thông qua. NHTG có thể yêu cầu chỉnh sửa, cập nhật EMDP. Nếu có lo ngại hoặc cần hỗ trợ kỹ thuật lập EMDP, cần liên lạc với nhóm công tác của Ngân hàng Thế giới để được hỗ trợ kịp thời.

EMDP, khi được chấp nhận bởi Ngân hàng, cần phải được công bố thông tin trước khi tiểu dự án được thẩm định / phê duyệt.



### **3.4. Chuẩn bị Khung quy trình**

Trong quá trình thực hiện dự án, tiểu dự án mới được đề xuất sẽ được rà soát để kiểm tra xem có gây ra sự hạn chế tiếp cận (của người dân địa phương) với khu vực được xác định hoặc khu vực được bảo vệ theo pháp luật. Khi điều này xảy ra, trong quá trình thiết kế và thực hiện các tiểu dự án, cần thực hiện tham vấn với những người có khả năng bị ảnh hưởng để kiểm tra tính chất của sự hạn chế, và xác định các biện pháp cần thiết để giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm tàng. Cần lập một khung quy trình (một công cụ của chính sách an toàn) trên cơ sở tham vấn. Khung quy trình sẽ bao gồm nội dung chi tiết về cách xác định sự hạn chế truy cập trong quá trình thực hiện Dự án. Trên cơ sở tham vấn với các hộ dân, một kế hoạch hành động và biện pháp giảm thiểu chi tiết sẽ được xác định để thực hiện, giám sát và đánh giá. Ngân hàng sẽ xem xét và chấp nhận Khung quy trình của tiểu dự án trước khi thực hiện tiểu dự án. Theo OP 4.12 của WB, Khung quy trình cần bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Các tiêu chí hợp lệ đối với các biện pháp bồi thường;
- Phục hồi sinh kế;
- Giải quyết xung đột;
- Giám sát và đánh giá, và,
- Ngân sách và kế hoạch thực hiện,

## IV. THỰC HIỆN EMPF VÀ EMDP

### 4.1. Tổ chức thực hiện

MARD là cơ quan Chủ quản dự án. MARD sẽ chịu trách nhiệm tổng thể cho toàn bộ dự án. UBND tỉnh trực tiếp thực hiện các tiểu dự án.

**Ở cấp Trung ương.** CPMU sẽ được thành lập để điều phối thực hiện dự án. CPMU chịu trách nhiệm tổng thể việc thực hiện EMDP được chuẩn bị theo dự án và sẽ đảm bảo rằng tất cả các PPMU hiểu rõ mục đích của EMPF và làm thế nào EMDP cho từng tiểu dự án được lập và phê duyệt trước khi thực hiện. CPMU cũng chịu trách nhiệm đảm bảo thực hiện có hiệu quả của EMDP, bao gồm giám sát và đánh giá việc thực hiện EMDP.

Tại giai đoạn đầu của việc thực hiện dự án, CPMU đào tạo các PPMU, nhằm giúp họ có khả năng tiến hành việc sàng lọc về người DTTS trong vùng dự án. Trong trường hợp năng lực địa phương không đủ để chuẩn bị EMDP, chuyên gia tư vấn có đủ điều kiện được huy động để hỗ trợ PPMU phát triển một EMDP cho tiểu dự án. EMDP cần được chuẩn bị theo theo EMPF của dự án.

**Ở cấp địa phương.** Ban Quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU) sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị và thực hiện EMDP. Nguồn nhân lực và ngân sách để chuẩn bị EMDP cần được đảm bảo. Trong trường hợp những người DTTS bị ảnh hưởng do việc thu hồi đất, nhằm mục đích xây dựng cho các tiểu dự án, vấn đề bồi thường, hỗ trợ người DTTS sẽ được đặt ra thông qua các bản RAP được chuẩn bị cho tiểu dự án theo hướng dẫn RPF của dự án.

Trách nhiệm chuẩn bị và thực hiện Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) như sau:

- (a) Nhiệm vụ chuẩn bị và thực hiện Khung chính sách DTTS thuộc về Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (CPO). CPO sẽ thuê tuyển đơn vị tư vấn, phối hợp với các cơ quan có liên quan bao gồm các Bộ/ban ngành Trung ương. UBND các tỉnh/huyện tham gia dự án và cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng để tiến hành lập Khung chính sách DTTS. Khung chính sách DTTS này được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt và Nhà tài trợ thông qua trước thời điểm đàm phán Hiệp định.
- (b) Kế hoạch phát triển DTTS của từng TDA sẽ được lập bởi tư vấn xã hội do địa phương thuê tuyển trên cơ sở nguyên tắc trong Khung chính sách DTTS nói trên. UBND các tỉnh sẽ chịu trách nhiệm phê duyệt và triển khai Kế hoạch phát triển DTTS này.

- (c) Kinh phí cho công tác chuẩn bị Kế hoạch phát triển DTTS của các TDA sẽ lấy từ nguồn vốn đối ứng của địa phương.

CPO thuộc Bộ NN & PTNT, thông qua Phòng Môi trường và Tái định cư, có trách nhiệm đảm bảo việc thực hiện hiệu quả Khung chính sách DTTS và các Kế hoạch phát triển DTTS phối hợp và tham vấn với các ban ngành cùng cấp và các tỉnh tham gia Dự án.

#### **4.2. Công bố EMPF và EMDP**

Theo yêu cầu của Ngân hàng, EMPF sẽ được công bố trước khi thẩm định dự án. Phiên bản tiếng Việt của EMPF ngày 28/5/2015 được công bố trên Website của Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi và nội bộ, tại tỉnh, huyện, xã trong các ngày tiếp theo. Phiên bản tiếng Anh đã được công bố tại Cơ sở thông tin Ngân hàng Thế giới ở Washington D.C. ngày 25/5/2015.

Đối với EMDP được xác định và chuẩn bị trong việc thực hiện dự án, khi được chấp nhận bởi Ngân hàng, EMDP phải được công bố trước tại địa phương để thẩm định các tiểu dự án tương ứng. EMDP tiểu dự án cần phải được công bố tại những nơi dễ tiếp cận và với một hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu đối với các dân tộc thiểu số cũng như các bên liên quan khác của dự án. Đối với các tiểu dự án được phân loại theo các ngân hàng (tại thời điểm thẩm định của các tiểu dự án) - là loại A (bằng sàng lọc môi trường), EMDP cho các tiểu dự án phải được dịch sang tiếng Anh bởi PPMU và nộp để công bố trên cơ sở thông tin của Ngân hàng.

#### **4.3. Cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại**

Cơ chế khiếu nại của Dự án được tách làm hai: một ở nội bộ các cộng đồng có liên quan và một phần khác, liên quan đến bên thứ ba/hòa giải. Đối với mỗi địa phương, Ủy ban giải quyết khiếu nại sẽ được thành lập từ cấp độ làng/xã tới huyện, xây dựng dựa trên các ban bộ có liên quan hiện có, các tổ chức, đại diện phụ nữ và người dân tộc. Ở cấp độ làng, hội đồng dựa trên cơ sở cùng quản lý kết hợp với cơ chế khiếu nại hiện có, và sẽ được chủ trì bởi những người lãnh đạo bộ tộc/người đứng đầu giáo xứ và người già, được sự chấp nhận đa số của cộng đồng địa phương nói chung và của nhóm DTTS nói riêng.

Hồ sơ khiếu nại sẽ được cung cấp cho những người hoặc những nhóm người trực tiếp hay gián tiếp bị tác động bởi dự án, cũng như có thể quan tâm đến dự án và/hoặc có khả năng bị ảnh hưởng đến thu nhập, cả mặt tích cực và tiêu cực. Dự án sẽ cung cấp

khóa đào tạo và hỗ trợ tăng cường cấu trúc hiện có nhằm giải quyết hiệu quả và hài hòa các khiếu nại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án. Mọi sự phàn nàn và khiếu nại cần được PPMU ghi vào văn bản một cách chính xác, các bản in ấn phải được lưu giữ hồ sơ ở cấp độ cộng đồng và ở cấp huyện.

Nếu người DTTS bị tác động không thỏa mãn với quy trình, biện pháp bồi thường và giảm nhẹ, hay bất kỳ một vấn đề nào khác, thì đại diện cho EMP hoặc chính người DTTS, hoặc trưởng làng có thể đệ trình khiếu nại lên PPC hoặc lên PPMU theo mẫu Hồ sơ Khiếu nại trong bản Dự án EMDP. Các vấn đề khiếu nại cần được giải quyết một thỏa đáng phù hợp với mong muốn của người DTTS bị tác động. Những chi phí có liên quan tới khiếu nại của người DTTS được miễn đối với người DTTS có hồ sơ khiếu nại. PPMU và tư vấn giám sát độc lập có trách nhiệm giám sát tiến độ giải quyết khiếu nại của người DTTS. Mọi trường hợp khiếu nại cần được ghi chép lại trong hồ sơ dự án của PPMU, và được xem xét thường xuyên bởi tư vấn giám sát độc lập.

Cơ chế khiếu nại được thiết lập dựa trên pháp luật Việt Nam. Thủ tục giải quyết khiếu nại sẽ được thực hiện như sau:

Cấp thứ nhất - Ủy ban Nhân dân Xã/Phường/thị trấn: Người bị ảnh hưởng có thể mang đơn khiếu nại của mình đến bộ phận Một Cửa của Ủy ban nhân dân xã/phường, bằng văn bản hoặc bằng lời nói. Thành viên của UBND xã/phường ở bộ phận Một Cửa có trách nhiệm thông báo cho lãnh đạo UBND xã/phường/thị trấn về đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND Xã/phường/thị trấn, người có trách nhiệm giải quyết sẽ gặp riêng hộ gia đình bị ảnh hưởng thiệt hại để tìm hiểu vấn đề. UBND xã/phường/thị trấn có 30 ngày, kể từ khi tiếp nhận đơn khiếu nại, để giải quyết vấn đề. Văn phòng UBND Xã/phường/thị trấn chịu trách nhiệm về việc lưu giữ hồ sơ của tất cả các khiếu nại mà UBND Xã/phường/thị trấn xử lý.

Cấp thứ 2 - Ủy ban Nhân dân Huyện: Nếu sau 30 ngày, hộ gia đình bị ảnh hưởng thiệt hại không nhận được tin tức gì từ UBND xã/phường/thị trấn, hoặc nếu các hộ gia đình bị ảnh hưởng là không hài lòng với quyết định giải quyết đối với khiếu nại của mình, hộ gia đình bị ảnh hưởng có thể trình vụ việc, hoặc bằng văn bản hoặc bằng lời nói tới UBND huyện tại bộ phận Tiếp dân. UBND huyện sẽ có 30 ngày để giải quyết vụ việc tính từ ngày nhận được đơn khiếu nại. UBND huyện chịu trách nhiệm về việc lưu giữ hồ sơ của tất cả các khiếu nại UBND huyện xử lý và sẽ thông báo cho Hội đồng Bồi thường cấp huyện và người bị ảnh hưởng về bất kỳ quyết định nào được thực hiện. Các hộ BAH có thể khiếu nại vấn đề của mình tại Tòa án nếu muốn.

Cấp thứ 3 - Ủy ban Nhân dân Tỉnh: Nếu sau 30 ngày người dân bị ảnh hưởng có khiếu nại không nhận được phản hồi từ UBND Huyện, hoặc không thỏa mãn với quyết định đưa ra cho khiếu nại của mình, hộ dân bị ảnh hưởng có thể trình vụ việc của mình, hoặc bằng văn bản hoặc trình bày trực tiếp, tới bất cứ cán bộ nào UBND tỉnh tại Trụ sở Tiếp dân. UBND tỉnh sẽ có 45 ngày để giải quyết khiếu nại làm hài lòng các bên có liên quan. UBND tỉnh có trách nhiệm lưu hồ sơ của tất cả các khiếu nại mà mình giải quyết. Các hộ BAH có thể khiếu nại vấn đề của mình tại Tòa án nếu muốn.

Cấp cuối cùng, Tòa án: Nếu sau 45 ngày người dân bị ảnh hưởng có khiếu nại không nhận được phản hồi của UBND tỉnh, hoặc không thỏa mãn với quyết định đưa ra cho khiếu nại của mình, vụ việc có thể được trình lên Tòa án để xem xét và đưa ra phán quyết. Quyết định của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng.

Quyết định giải quyết khiếu nại sẽ phải được gửi cho người khiếu nại và các bên có liên quan và phải được niêm yết công khai tại trụ sở của UBND của cấp giải quyết khiếu nại sau 03 ngày có quyết định/kết quả giải quyết khiếu nại tại cấp phường/xã/thị trấn và sau 07 ngày tại cấp huyện hoặc tỉnh.

Để đảm bảo cơ chế khiếu nại mô tả trên được đưa vào thực tế và được những người DTTS bị tác động (do tiểu dự án) chấp thuận, cơ chế đó cần được tư vấn cho các nhà chức trách địa phương và cộng đồng địa phương khi xem xét, tính toán đến yếu tố đặc thù văn hóa cũng như truyền thống, hệ thống văn hóa có ảnh hưởng đến việc phát sinh và giải quyết phàn nàn/khiếu nại. Nếu mục tiêu và nỗ lực của người DTTS được thực hiện nhằm xác định và quyết định cách thức giải quyết vấn đề để họ chấp nhận được.

#### **4.4. Giám sát và Đánh giá**

CPMU chịu trách nhiệm giám sát chung và thực hiện EMPF và EMDP. Việc thực hiện EMPF và EMDP sẽ được giám sát độc lập bên ngoài do tư vấn có chuyên môn đề xuất. Tư vấn giám sát độc lập sẽ do CPMU thuê tuyển. Dịch vụ này được tích hợp trong hợp đồng giám sát độc lập thực hiện RPF và RAP.

##### **4.4.1. Giám sát nội bộ**

*Đơn vị chịu trách nhiệm.* CPMU thuộc CPO sẽ chịu trách nhiệm thực hiện chung EMPF và EMDP. CPMU chịu trách nhiệm hướng dẫn chung cho PPMU và PPMU chịu trách nhiệm thực hiện EMDP của tiểu dự án.

#### **4.4.2. Giám sát độc lập**

*Đơn vị chịu trách nhiệm.* Tư vấn giám sát độc lập (IMC) được ký hợp đồng làm giám sát việc thực hiện việc bảo vệ quyền lợi xã hội của các tiểu dự án, bao gồm cả EMDP. Báo cáo giám sát sẽ được trình lên Ngân hàng Thế giới để xem xét và có ý kiến. Giám sát độc lập cần phải được tiến hành một năm hai lần trong quá trình thực hiện dự án để xác định đúng lúc các vấn đề mà có thể cần có hành động ngay từ phía CPMU và PPMU.

#### **4.5. Kinh phí và Nguồn ngân sách**

Khi kết quả sàng lọc cho thấy có sự hiện diện của người DTTS trong vùng dự án và bị ảnh hưởng bởi dự án, PPMU cần tiến hành thực hiện các bước chuẩn bị Kế hoạch phát triển DTTS đã được hướng dẫn tại mục III của tài liệu này. PPMU cần tuyển chọn một đơn vị tư vấn có đủ năng lực để thực hiện các hoạt động này.

Kinh phí thực hiện EMDP của mỗi TDA sẽ được tính trên cơ sở các hoạt động cụ thể được đề xuất trong mỗi EMDP. Kinh phí này được tính vào nguồn kinh phí thực hiện dự án.

#### **Các hoạt động dự kiến được triển khai tại mỗi tỉnh bao gồm:**

- Truyền thông, tham vấn cộng đồng (phối hợp với các hoạt động khác của dự án);
- Tập huấn về quản lý tưới có sự tham gia (PIM), quản lý công trình thủy lợi;
- Tập huấn đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực cho cộng đồng.
- Truyền thông về rủi ro thiên tai, mất an toàn hồ đập và biến đổi khí hậu;
- Xây dựng bản đồ an toàn lũ cộng đồng;
- Chuyển giao kỹ thuật canh tác thích ứng khí hậu, điều kiện nguồn nước;
- Sửa chữa đường, cầu phục vụ di dân trong tình huống khẩn cấp, an toàn xả lũ.

Trên cơ sở 12 TDA năm đầu (trong đó có 5 TDA có người DTTS trong vùng dự án) và người ta ước tính rằng có khoảng 150 TDA (trên tổng số dự kiến là 450 TDA) cần lập EMDP. Trên cơ sở nhu cầu hỗ trợ phát triển từ dân tộc thiểu số, và số lượng đối tượng EM (như được chỉ ra từ 12 TDA trong năm đầu), ước tính tổng số tiền là 7.500.000

USD sẽ là cần thiết và được phân bổ để hỗ trợ thực hiện EMDP. Đối với mục đích của dự toán và lập kế hoạch, mỗi EMDP được dự kiến phân bổ với 50.000 USD – tiểu dự án phải xem xét lại dựa trên nhu cầu thực tế của các dân tộc thiểu số theo mục 1.4.3

**Nguồn kinh phí:** Các chi phí để thực hiện EMDP sẽ được phân bổ từ ngân sách dự án sử dụng nguồn tài chính của Ngân hàng.

**Phụ lục 1: Tổng hợp kết quả tham vấn với nhóm DTTS**

TT	Khu vực dự án	Thời gian	Địa điểm	Thành phần	Kết quả tham vấn
1	Thanh Hóa	8h45 ngày 27 tháng 3 năm 1015	Sở NN và PTNT Thanh Hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện Ban dân tộc Tỉnh</li> <li>- Đại diện Sở NN&amp;PTNT</li> <li>- Tư vấn xã hội trung ương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủng hộ việc thực hiện dự án;</li> <li>- Toàn tỉnh hiện có 6 nhóm DTTS đang sinh sống trên địa bàn tỉnh. Việc thực hiện dự án không tác động nhiều đến nhóm DTTS;</li> <li>- Khi tiến hành dự án, các hoạt động có liên quan đến nhóm DTTS cần chú ý phù hợp với phong tục tập quán; đảm bảo 3 nguyên tắc cơ bản: bình đẳng, đoàn kết và tương trợ.</li> </ul>
2	Nghệ An	8h ngày 26 tháng 3 năm 2015	Sở NN&PTNT tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện ban dân tộc Tỉnh</li> <li>- Đại diện Sở NN&amp;PTNT, Ban quản lý ngành</li> <li>- Tư vấn xã hội trung ương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>ủng hộ việc thực hiện dự án</i></li> <li>- <i>Khái niệm “người bản địa” cần xác định lại</i></li> </ul>



3	Hòa Bình	9h ngày 24 tháng 3 năm 2015	Sở NN&PTNT tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất</li> <li>- Đại diện Sở NN&amp;PTNT</li> <li>- Đại diện Ban quản lý dự án Xây dựng cơ bản</li> <li>- Đại diện Sở Tài Nguyên và môi trường</li> <li>- Tư vấn xã hội trung ương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn toàn ủng hộ việc thực hiện dự án;</li> <li>- Khu vực dự án là nơi sinh sống của người Mường;</li> <li>- Cần có chính sách bồi thường đất khai hoang của đồng bào DTTS. Đất này phải có xác nhận của UBND xã và không có tranh chấp;</li> <li>- Cần có chính sách hỗ trợ riêng về lĩnh vực tâm linh cho người Mường trong việc di chuyển cư.</li> </ul>
4	Quảng Ninh	ngày 26 tháng 3 năm 2015	Sở NN&PTNT tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn xã hội trung ương</li> <li>- Đại diện Sở NN&amp;PTNT</li> <li>- Đại diện Ban dân tộc tỉnh</li> <li>- Đại diện Ban quản lý dự án các công trình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủng hộ việc thực hiện dự án;</li> <li>- Có 21 DTTS hiện sinh sống trên địa bàn;</li> <li>- Địa hình sinh sống của người DTTS khó khăn, dân cư thưa thớt, tỉ lệ hộ nghèo lớn.</li> </ul>

				NN&PTNT tỉnh	
5	Quảng Bình	10h30 ngày 24 tháng 3 năm 2015	Ban dân tộc tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban dân tộc tỉnh</li> <li>- Phòng Kế hoạch Tài định cư</li> <li>- Văn phòng UBND</li> <li>- Tư vấn xã hội trung ương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủng hộ việc thực hiện dự án và nhất trí với dự thảo khung chính sách;</li> <li>- Khu vực hồ chứa Phú Vinh giai đoạn 1 chưa có tác động tới nhóm DTTS nhưng rất nhiều các hồ chứa ở khu vực núi cao nơi tập trung sinh sống của người DTTS;</li> <li>- Ngoài cách chính sách chương trình hỗ trợ của nhà nước và tỉnh, cần xem xét đánh giá các PTTQ thói quen của người DTTS.</li> </ul>
6	Quảng Ngãi	10h ngày 20 tháng 3 năm 2015	Ban dân tộc tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban dân tộc Tỉnh</li> <li>-Đại diện Sở NN&amp;PTNT</li> <li>- Tư vấn xã hội trung ương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Dân tộc tỉnh rất ủng hộ dự án;</li> <li>- Hai DTTS chính là dân tộc Co và H'rê trên địa bàn tỉnh nhưng không nằm trong khu vực dự án;</li> <li>- Dự án sẽ góp phần phát triển cho đồng bào DTTS ở địa phương.</li> </ul>
7	Bình Thuận	ngày 19/03/2015	Sở Nông nghiệp và phát triển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn xã hội trung ương</li> <li>- Đại diện Ban dân tộc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủng hộ việc thực hiện dự án;</li> <li>- Dự án sửa chữa Hồ Sông Quao sẽ mang lại nhiều lợi ích cho đồng bào DTTS. Trong đó nguồn nước phục vụ sản</li> </ul>

			nông thôn tỉnh Bình Thuận	tỉnh	<p>xuất nông nghiệp và góp phần gia tăng thu nhập của hộ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình tham vấn nên sử dụng ngôn ngữ ngôn ngữ đồng bào để cùng tuyên truyền giải thích cho người dân ủng hộ và giúp đỡ DA;</li> <li>- Cần hỗ trợ người dân duy trì cuộc sống trong thời gian thực hiện dự án; hỗ trợ chuyển đổi mô hình trồng trọt sang chăn nuôi bò, dê, heo đồng bào hoặc trồng thanh long với hộ có đất, có nước tưới;</li> <li>- Trong quá trình thi công đảm bảo chất lượng nước nhất định phục vụ sản xuất và sinh hoạt;</li> <li>- Đối với xã Hàm trí: DA phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Huyện, Xã định hướng cho dân sử dụng cây trồng ít cần nước hoặc giảm số vụ trồng lúa thay bằng trồng hoa màu;</li> <li>- Đối với xã Thuận Hòa: Hỗ trợ sinh kế lâu dài cho hộ dân; Cải tạo đồng ruộng, đầu tư hệ thống bơm nâng khả năng tưới tiêu phục vụ sản xuất.</li> </ul>
8	Xã Thuận Hòa, huyện Hàm	18/03/2015	Thôn Dân Hiệp, xã Thuận Hòa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện chính quyền thôn</li> <li>- Già làng thông Dân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Qua họp nhóm và phỏng vấn hộ dân tại xã Thuận Hòa ghi nhận phần lớn các hộ dân ủng hộ dự án;</li> <li>- Theo ý kiến của cộng đồng, DA sẽ không ảnh hưởng</li> </ul>

	Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận			<p>Hiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện các hộ dân tộc Kho và Raglay (06 hộ)</li> <li>- Tư vấn xã hội</li> </ul>	<p>đến các hoạt động sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân do địa phương chưa phụ thuộc vào nguồn nước của hồ Sông Quao;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân mong muốn sau khi sửa chữa và nâng cấp hồ chứa, người dân được cung cấp nước từ hồ Sông Quao phục vụ sản xuất giúp tăng kinh tế hộ gia đình;</li> <li>- Quá trình xây dựng có thể ảnh hưởng đến một số hộ lấy nước từ đập Đại Ninh thông qua hồ Sông Quao cũng như có thể làm mất an ninh xã hội;</li> <li>- Cộng đồng DTTS thích nghe ngôn ngữ riêng của cộng đồng và họ có thói quen ngại phát biểu trước đám đông. Vì vậy các buổi phổ biến thông tin và tham vấn nên sử dụng tiếng của người đồng bào. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện DA có thể nhờ sự hỗ trợ của các già làng trong địa phương kêu gọi người dân hỗ trợ DA.</li> </ul>
9	Xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	19/03/2015	Thôn Lâm Giang, xã Hàm Trí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện ấp Lâm Giang</li> <li>- Đại diện hộ dân tộc Chăm (06 hộ)</li> <li>- Tư vấn xã hội</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân đã nhận được thông tin về dự án thông qua tivi, đài phát thanh và cuộc họp xã thông báo;</li> <li>- Người dân rất đồng thuận và ủng hộ thực hiện DA. Do Hồ chứa đang có vết nứt và khu vực đang bị thiếu nước;</li> <li>- Dự án có khả năng gây ảnh hưởng một phần đến hoạt động sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân do địa</li> </ul>

					<p>phương phụ thuộc vào nguồn nước của hồ Sông Quao. Tuy nhiên sau khi DA hoàn thành giúp nâng cấp hồ giúp tích nước gia tăng phục vụ sản xuất của người dân phát triển. Người dân mong muốn DA diễn ra để đảm bảo tính an toàn hồ đập và góp phần cung cấp nước cho địa phương;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Người dân mong muốn sau khi sửa chữa và nâng cấp hồ chứa, người dân được cung cấp nước từ hồ Sông Quao phục vụ sản xuất giúp tăng kinh tế hộ gia đình;</li> <li>- Quá trình ngăn đập không ảnh hưởng đến hoạt động trồng thanh long và chăn nuôi nên người dân vẫn duy trì được sinh kế;</li> <li>- Quá trình xây dựng có thể ảnh hưởng các hộ sản xuất phụ thuộc nguồn nước hồ Sông Quao và các hộ đánh bắt cá trên hồ;</li> <li>- Quá trình xây dựng có thể làm xáo trộn trật tự xã hội.</li> </ul> <p><b>Đề xuất:</b> Trong giá trình thực hiện sửa chữa đập, mong muốn DA hỗ trợ người dân chuyển đổi cây trồng trong vụ thiếu nước (cây ngắn ngày, cây cần ít nước); hỗ trợ người dân mất thu nhập bằng gạo hoặc trợ cấp; Quá trình xây dựng sửa chữa cần diễn ra nhanh để giảm tác động; Đảm bảo mực nước phục vụ sản xuất vào vụ mùa chính.</p>
--	--	--	--	--	---

## Phụ lục 2: Mục lục và các yếu tố của một EMDP

### Tóm tắt

Phần này mô tả ngắn gọn các sự kiện quan trọng, phát hiện quan trọng từ các đánh giá xã hội, và khuyến khích hành động để quản lý các tác động bất lợi (nếu có) và đề xuất các hoạt động can thiệp phát triển trên cơ sở kết quả đánh giá xã hội.

### I. Mô tả về dự án

Phần này cung cấp mô tả chung về các mục tiêu dự án, các hợp phần của dự án, tác động tiêu cực tiềm ẩn (nếu có) theo mức dự án và tiểu dự án. Cần nêu rõ những tác động xấu đã xác định được ở hai cấp – dự án và tiểu dự án.

### II. Khuôn khổ pháp lý và thể chế áp dụng đối với người DTTS

### III. Mô tả về dân số tiểu dự án

- Thông tin cơ bản về các đặc điểm nhân khẩu học, xã hội, văn hóa và chính trị của các dân tộc thiểu số có khả năng bị ảnh hưởng, hoặc cộng đồng của người DTTS.
- Sản xuất, hệ thống sinh kế, hệ thống sở hữu rằng người DTTS có thể dựa vào, bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên mà họ phụ thuộc (bao gồm cả nguồn tài sản chung, nếu có).
- Các loại hoạt động tạo thu nhập, bao gồm cả các nguồn thu nhập, phân chia theo thành viên gia đình của họ, công việc theo mùa;
- Thiên tai hàng năm mà có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh kế và thu nhập của họ;
- Mối quan hệ cộng đồng (vốn xã hội, quan hệ họ hàng, mạng xã hội ...)

### IV. Đánh giá tác động xã hội

Phần này mô tả:

*Phương pháp tham vấn* đã được sử dụng để đảm bảo tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn công bố thông tin với người DTTS bị ảnh hưởng trong khu vực tiểu dự án.

*Tóm tắt các kết quả của tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn công bố thông tin* với dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Kết quả bao gồm hai khu vực:

Tác động tiềm năng của các tiêu dự án (tích cực và tiêu cực) đối với sinh kế của người DTTS trong vùng dự án (cả trực tiếp và gián tiếp);

Kế hoạch hành động của các biện pháp để tránh, giảm thiểu tối đa, giảm thiểu, hoặc bồi thường cho những tác dụng phụ.

Sự lựa chọn sự hỗ trợ (từ dự án) của người DTTS vào các hoạt động phát triển dành cho họ (khám phá thông qua tham vấn cộng đồng xác định nhu cầu trong thực hiện đánh giá xã hội)

Một kế hoạch hành động giảm thiểu để đảm bảo người DTTS trong khu vực tiêu dự án nhận được lợi ích kinh tế xã hội và văn hóa thích hợp với họ, bao gồm, nếu cần thiết, các biện pháp để nâng cao năng lực của các cơ quan thực hiện dự án tại địa phương.

## **V. Công bố thông tin, tham vấn và sự tham gia**

Phần này sẽ:

- a) Mô tả công bố thông tin, tham vấn và quá trình tham gia với các dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng đã được thực hiện trong thời gian chuẩn bị dự án với họ;
- b) Tóm tắt ý kiến về kết quả của việc đánh giá tác động xã hội và xác định mối quan tâm lớn trong quá trình tư vấn và làm thế nào những điều này đã được đề cập trong thiết kế dự án;
- c) Trong trường hợp của các hoạt động dự án yêu cầu cộng đồng tiếp cận trên diện rộng và hỗ trợ, tư liệu về quá trình và kết quả tham vấn với các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng và bất kỳ thỏa thuận do tham vấn cho các hoạt động dự án và biện pháp tự vệ các tác động của các hoạt động này;
- d) Mô tả sự tham vấn và tham gia các cơ chế được sử dụng trong quá trình thực hiện để đảm bảo người dân tộc thiểu số tham gia các dân tộc trong quá trình thực hiện; và
- e) Xác nhận công bố thông tin của dự thảo và EMDP cuối cùng để các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng.

**VI. Nâng cao năng lực:** Phần này cung cấp các biện pháp để tăng cường khả năng xã hội, pháp lý và kỹ thuật của (a) chính quyền địa phương trong việc giải quyết các vấn đề dân tộc thiểu số trong khu vực dự án; và (b) Các tổ chức dân tộc thiểu số trong khu vực dự án để họ có thể đại diện cho dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng một cách hiệu quả hơn.

**VII. Cơ chế giải quyết khiếu nại:** Phần này mô tả các thủ tục để giải quyết khiếu nại của người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Nó cũng giải thích cách các thủ tục có sự tham gia của các dân tộc thiểu số và phù hợp với văn hóa của họ.

**VIII. Cơ cấu tổ chức:** Phần này mô tả sắp xếp thể chế, cơ chế và trách nhiệm để thực hiện các biện pháp khác nhau của EMDP. Nó cũng mô tả các quá trình bao gồm các tổ chức và chính quyền địa phương có liên quan trong việc thực hiện các biện pháp của EMDP.

**IX. Giám sát và Đánh giá:** Phần này mô tả các cơ chế và tiêu chuẩn phù hợp với các dự án để theo dõi và đánh giá việc thực hiện EMDP. Nó cũng quy định sắp xếp tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn công bố thông tin và tham gia của các dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng trong việc chuẩn bị và xác nhận của giám sát, báo cáo và đánh giá.

**X. Ngân sách và Tài chính:** Phần này trình bày về ngân sách được phân bổ cho tất cả các hoạt động được mô tả trong EMDP.

**Các phụ lục:** bao gồm bản đồ các địa điểm của các cộng đồng EM và các hoạt động sửa chữa của tiểu dự án